

Số: 69787 /CT-TTHT
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Ban quản lý Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư
của Châu Âu

Đ/c: P1203, tầng 12, khu văn phòng Tòa Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng,
Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội - MST: 0106000024

Trả lời công văn số 010816/CV-EU- MUTRAP ngày 08/8/2016 của Ban quản lý Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu (gọi tắt là Ban quản lý) hỏi về chính sách thuế đối với việc xuất hóa đơn và thủ tục hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Hiệp định tài chính giữa Ủy ban Châu Âu và Bộ Công thương nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về Dự án hỗ trợ thương mại và đầu tư (EU-MUTRAP) ký ngày 30/7/2012.

- Căn cứ Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2007 đến trước ngày 17/01/2014):

+ Tại Điểm 2 Mục I quy định các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Nhà thầu chính” là tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho dự án ODA. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.

- “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam”.

+ Tại Điểm 3.2 Mục II quy định:

“3.2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam:

Nhà thầu chính cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu phụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho



nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam”.

+ Tại Điểm 3.4 Mục II quy định:

“3.4. Trường hợp Nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT thì Nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này...”

+ Tại Điểm 1 Mục V quy định về trách nhiệm của Chủ dự án ODA về việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong quá trình thực hiện dự án ODA.

+ Tại Điểm 4 Mục V quy định thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với Chủ dự án ODA không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế GTGT nêu tại Điểm 2, Điểm 3.4, Mục II Thông tư này.

+ Tại Chương VI quy định hiệu lực thi hành.

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quy định về hiệu lực thi hành:

“Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17/1/2014, thay thế Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Đối với các dự án ODA được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc xác định nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đến khi kết thúc dự án...”

- Căn cứ Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu”.

+ Tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

“a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

2	<i>Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan</i>	5
---	--	---

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 Chính phủ:

+ Tại Điều 11 quy định khai thuế giá trị gia tăng.

+ Tại Khoản 3 Điều 20 quy định về khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài:

“3. Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu

a) Khai thuế đối với trường hợp nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu là loại khai theo lần phát sinh thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài và khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng nhà thầu.

Trường hợp bên Việt Nam thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì có thể đăng ký khai thuế theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh thanh toán tiền cho Nhà thầu nước ngoài.

- Bên Việt Nam ký hợp đồng với Nhà thầu nước ngoài khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài và nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của bên Việt Nam.

Đối với hợp đồng nhà thầu là hợp đồng xây dựng, lắp đặt thì nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế cho Cục thuế hoặc Chi cục Thuế do Cục trưởng Cục Thuế địa phương nơi diễn ra hoạt động xây dựng, lắp đặt quy định.

- Bên Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong phạm vi 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng”.

+ Tại Điều 50 quy định thủ tục hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA:

“1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi được ngân sách nhà

nước cấp phát (bản chụp có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của dự án). Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu.

- Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng (bản chụp có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chỉ phải nộp tài liệu này với hồ sơ hoàn thuế lần đầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì ngoài những tài liệu nêu tại điểm này, còn phải có xác nhận của chủ dự án về việc dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán cho nhà thầu theo giá có thuế giá trị gia tăng; giá thanh toán theo kết quả thầu không có thuế giá trị gia tăng và đề nghị hoàn thuế cho nhà thầu chính."

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng.

+ Tại Điều 13 quy định nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế.

- Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Căn cứ hợp đồng cung cấp dịch vụ tổ chức các sự kiện của dự án EU-MUTRAP số 072015/EVENT ký giữa Ban quản lý Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu (EU-MUTRAP) với Công ty Media Consulta Event-Đức và Công ty cổ phần truyền thông Cửa Việt – Việt Nam tháng 7 năm 2015 (không bao gồm thuế GTGT, không được Nhà nước cấp vốn đối ứng để nộp thuế).

Căn cứ các quy định trên và nội dung tại công văn hỏi của Ban quản lý, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

1. Trường hợp Nhà thầu Đức (phụ trách liên doanh) thực hiện công việc của dự án nhưng không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam, không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012, Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014. Ban quản lý có trách nhiệm khấu trừ thuế TNDN mức thuế suất 5% đối với hợp đồng dịch vụ trước khi thanh toán cho nhà thầu Đức theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 60/2012/TT-BTC, Điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC và Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Nhà thầu Việt Nam thực hiện các công việc dự án tại Việt Nam có trách nhiệm kê khai thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

2. Nhà thầu Đức (phụ trách liên doanh) được hoàn thuế GTGT khi mua hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam. Để được hoàn thuế theo quy định, nếu Nhà thầu

Đức chưa có mã số thuế thì thực hiện đăng ký cấp mã số thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính. Về thủ tục hoàn thuế nhà thầu Đức thực hiện theo quy định tại Điểm 4 Mục V Thông tư số 123/2007/TT-BTC ngày 23/10/2007, Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Ban quản lý liên hệ với Phòng kiểm tra thuế số 3 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Ban quản lý được biết và thực hiện ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 3;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6;3)



Mai Sơn

